

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2020/HNGĐ - ST.
Ngày: 27- 8 - 2020.
V/v “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hồng Phượng.

2. Ông Nguyễn Văn Phước.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngọc Thị Ngoan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công Ki vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số **200/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2020** về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị V Ngọc D, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp 6, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Trương Anh P, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số nhà 214, ấp 1, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị D đề nghị xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại UBND xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai. **Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại xã B, huyện L. Thời gian đầu sống hạnh phúc,** đến tháng 3 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P không làm ăn, phụ lo cho các con mà thường xuyên tụ tập bạn bè ăn chơi, đập đá và cờ bạc, có vài lần đánh vợ con. Đến tháng 4 năm 2018 thì

gây ra vụ án cố ý gây thương tích và bị phạt 03 năm tù, hiện nay đã chấp hành xong, đã về nhà. Từ khi phát sinh mâu thuẫn, chị và anh P vẫn sống chung với nhau cho đến khi anh P bị bắt giam. Từ đó, chị không còn quan tâm gì đến anh P. **Nay chị xác định tình cảm không còn, chị không còn quan tâm đến anh P nên chị yêu cầu được ly hôn với anh P.**

Về con chung: Anh chị có 04 con chung tên là Trương Gia B, sinh ngày 04/4/2009, Trương Hoàng B K, sinh ngày 03/9/2010; Trương Hoàng Hương TR, sinh ngày 31/3/2014; Trương Gia V, sinh ngày 23/9/2016. Hiện nay cháu B và cháu K đang sống với anh P, còn cháu TR và cháu V đang sống với chị. Chị yêu cầu giao cháu B và cháu K cho anh P nuôi dưỡng, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu TR và cháu V, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- *Bị đơn anh Trương Anh P:* Anh P đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời Ki.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hạn giải quyết, thu thập chứng cứ, việc xét xử của Hội đồng xét xử, việc tuân theo pháp luật của Thư ký đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Chị D và anh P xây dựng gia đình với nhau vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C nên xác định là quan hệ hôn nhân hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000. Quá trình sống chung anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân mà không có biện pháp bàn bạc đoàn tụ, cho thấy mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 việc chị D xin ly hôn với anh P là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Anh P, chị D có 04 con chung. Hiện cháu B và cháu K đang sống với anh P và ông bà nội tại xã Bình Sơn. Còn cháu TR và cháu V hiện sống với chị D. Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu TR và cháu V, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, chị đồng ý giao hai cháu B và K cho anh P nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh P đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng nhưng anh P vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị D, anh P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48/2017, ngày 30/6/2010, trên cơ sở tự nguyện nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn, anh P vắng mặt trong quá trình tố tụng thể hiện anh không còn quan tâm đến hôn nhân với chị D nữa. Như vậy, giữa chị D và anh P không còn tình nghĩa vợ chồng, không thể hàn gắn, đoàn tụ được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ chấp nhận, cho ly hôn giữa chị D và anh P.

[3] Về con chung: Anh chị có 04 con chung tên là Trương Gia B, sinh ngày 04/4/2009, Trương Hoàng B K, sinh ngày 03/9/2010; Trương Hoàng Hương TR, sinh ngày 31/3/2014; Trương Gia V, sinh ngày 23/9/2016. Hiện nay cháu B và cháu K đang sống với anh P, còn cháu TR và cháu V đang sống với chị. Chị yêu cầu giao cháu B và cháu K cho anh P nuôi dưỡng, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu TR và cháu V, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, xuất phát từ lợi ích mọi mặt và đảm bảo cuộc sống ổn định của các cháu, xét yêu cầu về con chung của chị D là có căn cứ chấp nhận, giao cháu B và cháu K cho anh P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu TR và cháu V cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

[4] Về tài sản chung: Chị D Ki không có, còn anh P không gửi yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị D Ki không có và theo kết quả xác minh tại địa phương thì trong thời kỳ hôn nhân của anh chị, không có ai tranh chấp với anh chị về nghĩa vụ tài sản nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Đối với ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V Ngọc D về việc tranh chấp ly hôn đối với anh Trương Anh P, cho ly hôn giữa chị D và anh P.

Về con chung: Anh chị có 04 con chung tên là Trương Gia B, sinh ngày 04/4/2009, Trương Hoàng B K, sinh ngày 03/9/2010; Trương Hoàng Hương TR, sinh ngày 31/3/2014; Trương Gia V, sinh ngày 23/9/2016. Giao cháu B và cháu K cho anh P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu TR và cháu V cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Anh P, chị D được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0003263 ngày 24/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Chị D, anh P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- UBND xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Hoa